

BÁO CÁO
V/v tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2019

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác triển khai thực hiện và kết quả việc thu thập thông tin về việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy dài hạn, chính quy liên thông trình độ đại học của Nhà trường.

I. Phương pháp và quy trình khảo sát việc làm của sinh viên

Căn cứ công văn số 3943/BGDĐT-GDDH, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên đại học tốt nghiệp năm 2019, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát và thông báo trên website của nhà trường (*Kế hoạch số 172/KH-ĐHCN ngày 09 tháng 09 năm 2020*). Thời gian khảo sát: trong vòng 01 tháng: từ ngày 01/11/2020 đến 31/10/2020.

- Phiếu khảo sát (*Phụ lục 1*).

- Phần mềm về khảo sát việc làm sau 01 năm tích hợp trên trang đại học điện tử: <http://dchcnh.vn>.

- Hoàn thiện trang khảo sát trực tuyến dành riêng cho sinh viên tại địa chỉ <http://ks.dchcnh.vn>.

- Cách thức khảo sát: Cựu sinh viên tham gia khảo sát trực tuyến tại <http://ks.dchcnh.vn>; các Khoa gọi điện trực tiếp lấy thông tin trả lời của cựu sinh viên nhập vào hệ thống.

II. Kết quả khảo sát việc làm của sinh viên

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã tiến hành khảo sát 100% số sinh viên đại học tốt nghiệp năm 2019 là **6474** sinh viên. Số cựu sinh viên phản hồi là **4619**, đạt **71,3%**. Tỷ lệ sinh viên phản hồi của các ngành đảm bảo theo yêu cầu của Công văn số 2919/BGDĐT-GDDH ngày 10 tháng 7 năm 2017. Kết quả khảo sát cho thấy (*chi tiết trong mẫu 01, 02, 03*):

- Tổng số cựu sinh viên hiện tại có việc làm và đang học nâng cao trình độ là **4257/4619**, đạt **92,16%**, có **86** cựu sinh viên (**1,9%**) đã từng có việc làm nhưng cho rằng công việc hoặc mức lương không phù hợp nên ở thời điểm khảo

sát đang tạm thời nghỉ việc. Mức thu nhập trung bình của các cựu sinh viên là **9,3** triệu đồng/tháng.

- Trong số các cựu sinh viên có việc, khu vực làm việc chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân (**66,5%**), doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (**22,3%**), ít cựu sinh viên làm việc trong khu vực nhà nước (**5,1%**), làm việc tại nước ngoài (**3,1%**) và sinh viên tự tạo việc làm (**3,0%**).

- Về mức độ phù hợp giữa việc làm với ngành đào tạo có **3502** chiếm **87,8%** cựu sinh viên đang có việc cho rằng việc làm hiện tại phù hợp với ngành được đào tạo.

III. Kiến nghị của nhà trường

Qua kết quả khảo sát về việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019 của nhà trường, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội xin đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục được tuyển sinh các mã ngành đào tạo đại học đã được cấp phép với tổng chỉ tiêu và phân phối chỉ tiêu theo ngành do Nhà trường đề xuất và tiếp tục mở rộng ngành đào tạo mà xã hội có nhu cầu.

Bộ giáo dục và Đào tạo nên có kênh cung cấp các thông tin về tình hình việc làm của sinh viên của các cơ sở đào tạo khác để làm cơ sở đối sánh giữa các cơ sở đào tạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TT&QHCT (đưa lên website, mục công khai), ĐT;
- Lưu: VT, HTDN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Bùi Thị Ngân

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2019
Trình độ đào tạo: Đại học

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm / tổng số SV phản hồi	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	7540204	Công nghệ dệt, may	290	283	215	210	135	47	24	1	8	96.28%	9	106	7	84
2	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	280	4	192	2	52	91	18	17	14	92.71%	3	63	2	93
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	532	3	284	2	112	93	24	22	33	88.38%	3	96	3	127
4	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	468	87	296	55	78	145	37	18	18	93.92%	10	105	3	142
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	681	31	417	20	160	151	19	47	40	90.41%	21	178	13	118
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	293	9	190	8	52	78	28	8	24	87.37%	3	65	4	86
7	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	258	121	235	109	85	84	46	8	12	94.89%	20	123	5	67
8	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	87	56	76	48	13	16	34	4	9	88.16%	6	43	0	14

9	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	110	5	109	5	81	14	7	1	6	94.50%	2	85	2	13
10	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	488	2	478	2	261	117	3	52	45	90.59%	65	305	11	0
11	7480201	Công nghệ thông tin	112	21	106	21	62	13	16	0	15	85.85%	6	51	17	17
12	7480104	Hệ thống thông tin	139	53	120	49	70	23	8	0	19	84.17%	5	66	11	19
13	7480101	Khoa học máy tính	231	41	159	31	90	27	9	3	30	81.13%	4	90	8	24
14	7480103	Kỹ thuật phần mềm	348	79	289	75	209	19	16	18	27	90.66%	14	209	2	19
15	7340301	Kế toán	753	707	357	336	191	94	50	2	20	94.40%	12	263	4	56
16	7340302	Kiểm toán	116	109	104	97	22	62	12	0	8	92.31%	6	73	5	12
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	255	240	169	160	24	98	37	4	6	96.45%	0	81	3	75
18	7340101	Quản trị kinh doanh	501	415	373	326	261	34	23	46	9	97.59%	1	303	5	9
19	7340404	Quản trị nhân lực	122	111	104	93	91	6	1	3	3	97.12%	1	94	2	1
20	7340406	Quản trị văn phòng	86	79	78	73	17	31	21	4	5	93.59%	0	54	1	14
21	7340201	Tài chính - Ngân hàng	140	115	110	89	31	40	31	1	7	93.64%	7	77	2	16
22	7210404	Thiết kế thời trang	88	84	75	73	29	28	15	2	1	98.67%	6	54	5	7
23	7310630	Việt Nam học	96	87	83	75	27	38	8	7	3	96.39%	1	67	5	0
Tổng			6474	2742	4619	1959	2153	1349	487	268	362	92.16%	205	2651	120	1013